

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **149/2018/DS-ST**

Ngày: 14- 9- 2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phú;
2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 410/2018/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 430/2018/TB-TA ngày 04 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim T, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 266, tổ 15, ấp H, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: Số 273, tổ 15, khu dân cư ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Kim T, bà Nguyễn Thị Ngọc C cùng có mặt, ông Phạm Văn Đ vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Huỳnh Kim T; trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Do nhu cầu cần vốn sản xuất, chăn nuôi, khoảng năm 2013 vợ chồng ông Đ, bà C có nhận vay của bà T số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó ông Đ, bà C tiếp tục nhận vay, kết sổ ngày 20/11/2016 ông Đ, bà C nợ bà T 140.000.000 đồng. Ngày 24/11/2016 nhận vay thêm 10.000.000 đồng. Tổng cộng ông Đ, bà C nợ bà T 150.000.000 đồng.

đồng. Số tiền này bà C đã đóng lãi cho bà T được 05 tháng với mức lãi các bên thỏa thuận 5%/tháng. Bà T đã nhiều lần yêu cầu ông Đ, bà C thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ tháng 12/2016 nhưng ông Đ, bà C không thanh toán với lý do làm ăn thua lỗ, chưa có tiền thanh toán.

Bà T kiện yêu cầu ông Đ, bà C trả một lần cả nợ gốc cùng lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình hòa giải, bà T và bà C thống nhất số nợ gốc 150.000.000 đồng và phần lãi bà C đã trả cho bà T được 05 tháng (Đến tháng 11/2016).

Quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn Đ vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông Đ.

Về chứng cứ: Bà Huỳnh Kim T cung cấp 02 biên nhận nợ; Biên nhận ngày 20/11/2016 nợ 140.000.000 đồng có chữ ký của ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc C, Biên nhận nợ ngày 24/11/2016 nợ 10.000.000 đồng có chữ ký của bà Nguyễn Thị Ngọc C. Các biên nhận nợ được bà C thừa nhận.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông Đ và bà C; xác minh nơi cư trú của ông Đ.

Theo Biên bản xác minh ngày 08/8/2018 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện A, cán bộ Tư pháp xã V cho biết: Ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc C có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện A; giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyền số 01/2002 ngày 12/8/2002 do Phó Chủ tịch UBND xã V là ông Nguyễn Văn T ký.

Theo Biên bản xác minh ngày 08/8/2018 tại Công an xã V, huyện A, đại diện Công an xã V cho biết: Ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số 273, tổ 15, khu dân cư ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang và thường xuyên sinh sống tại địa chỉ nêu trên.

Tại phiên tòa,

Bà Huỳnh Kim T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Đ và bà C trả một lần vốn gốc 150.000.000 đồng mà không yêu cầu tính lãi.

Bà Nguyễn Thị Ngọc C xác nhận còn nợ bà T số tiền 150.000.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 400.000 đồng. Đồng thời xác định ông Đ có biết số nợ này.

Trong phần tranh luận, bà T xác định bà C có tài sản, có điều kiện thanh toán nhưng cố tình không thanh toán. Bà C xác định hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không có khả năng thanh toán một lần.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Phạm Văn Đ là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hai biên nhận nợ do bà T cung cấp được bà C thừa nhận, đây là chứng cứ không cần phải chứng minh. Có căn cứ ông Đ, bà C là vợ chồng, tiền vay sử dụng chung nên buộc cả hai cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà T. Việc bà T rút lại một phần yêu cầu, không tính lãi suất là có lợi cho bị đơn nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc C có trách nhiệm liên đới trả nợ vay 150.000.000 đồng và phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật, xác định quan hệ tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", là tranh chấp dân sự; đồng bị đơn cùng cư trú ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện A theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về tư cách tham gia tố tụng, sự vắng mặt của đương sự:* Bà Huỳnh Kim T kiện ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc C, xác định bà T là nguyên đơn; ông Đ, bà C là đồng bị đơn. Bị đơn ông Phạm Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- *Về hình thức và nội dung hợp đồng vay:* Hợp đồng vay tài sản giữa bà Huỳnh Kim T với vợ chồng ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc C ban đầu được thực hiện bằng lời nói, sau được lập thành văn bản thể hiện bằng hai biên nhận ngày 20/11/2016 và ngày 24/11/2016. Theo hợp đồng, Bà C, ông Đ nhận vay của bà T tổng số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 5% tháng, đã đóng lãi được 05 tháng, thời gian còn lại chưa nộp lãi từ tháng 12/2016 cho đến nay. Việc này đã được bà T và bà C xác nhận, nên không cần phải chứng minh.

- *Xét hợp đồng vay và yêu cầu của nguyên đơn:* Đây là hợp đồng hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Bà T đã yêu cầu ông Đ và bà C trả nợ nhiều lần nhưng ông Đ, bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng 5%/tháng là cao so với quy định của pháp luật, lẽ ra phải được điều chỉnh nếu bị đơn có yêu cầu. Tuy nhiên, các bên đương sự đều không có yêu cầu xem xét lại việc tiền lãi đã thanh toán, nên không xem xét, giải quyết. Ngoài ra, tại phiên tòa, bà T chỉ yêu cầu ông Đ, bà C trả nợ gốc, không yêu cầu tính lãi là đã có lợi cho bị đơn, nên chấp nhận yêu cầu của bà T.

- *Về nghĩa vụ trả nợ:* Tuy không ghi nhận được ý kiến của ông Đ, nhưng bà C đã xác nhận các biên nhận nợ do bà T cung cấp, trong đó có 01 biên nhận có chữ ký của ông Đ. Ngoài ra, theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có căn cứ xác định bà C và ông Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2002 và còn chung sống tại ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Đồng thời, bà C xác định số tiền vay là để chăn nuôi, sản xuất và chơi hụi; sử dụng cho mục đích chung của gia đình. Do đó, buộc ông Đ, bà C cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà T.

[3] Về chi phí tố tụng:

Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận, nên bà T không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà T.

Ông Đ và bà C cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Huỳnh Kim T,

Buộc ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị Ngọc C có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Kim T số tiền 150.000.000 (*Một trăm năm mươi triệu*) đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bà Thanh có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Đông, bà Chá không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo mức lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu 7.500.000 (*Bảy triệu năm trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Kim T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Thanh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0003053 ngày 20 tháng 6 năm 2018.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/9/2018), bà Huỳnh Kim T và bà Nguyễn Thị Ngọc C có quyền kháng cáo yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Phạm Văn Đ là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện A (2);
- THADS huyện A (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Văn Sáu

